



gàn shén me

干什么

verb · what are you doing?

Example Sentences

nǐ zài gàn shén me
你在干什么？

What are you doing?

tā wèn wǒ xià wǔ zài tú shū guǎn gàn shén me
他问我下午在图书馆干什么。

He asked me what I was doing in the library this afternoon.

nǐ tū rán dà shēng hǎn jiào dào dǐ xiǎng gàn shén me
你突然大声喊叫，到底想干什么？

You suddenly shouted loudly—what exactly are you trying to do?

Trace each character, then write the word on your own.

干 干 干 干 干 干

什 什 什 什 什 什 什

么 么 么 么 么 么